

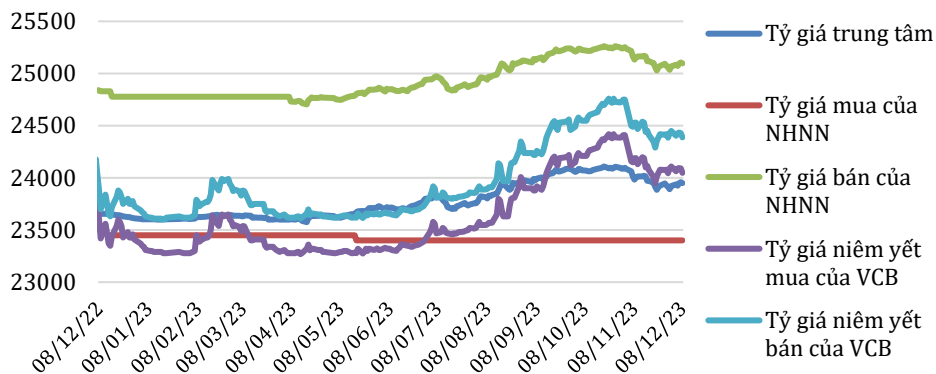
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 04/12 – 08/12

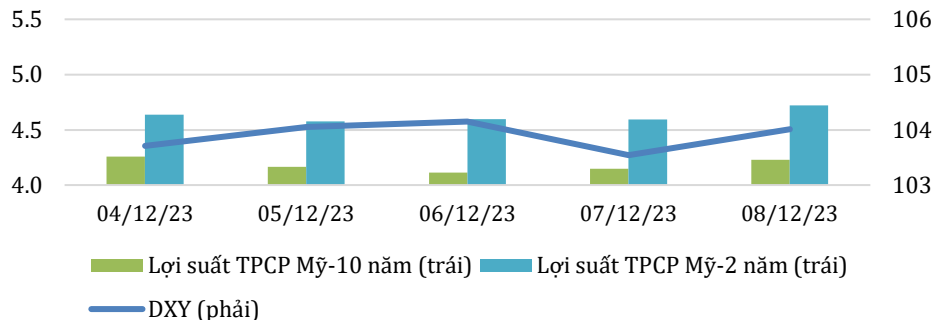
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

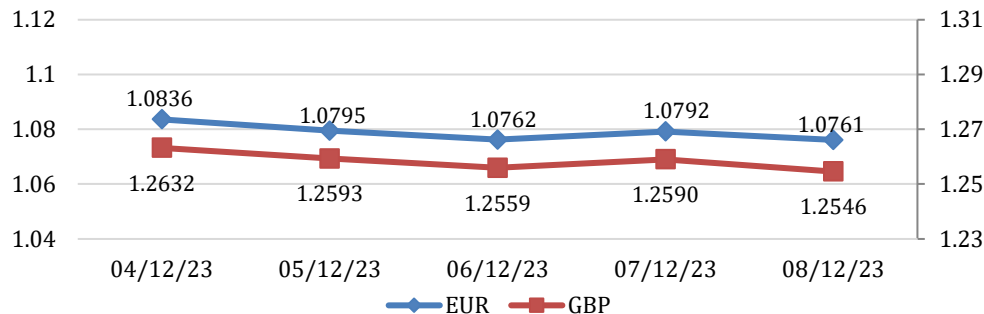
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 23.951, tăng 12 đồng so với phiên đầu tuần và tăng 28 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.098, tăng 29 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.050 – 24.390, giảm 60 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng giảm dần, trong bối cảnh thị trường chờ đợi quyết định của FED tại cuộc họp chính sách cuối cùng năm 2023, được diễn ra vào ngày 12 – 13/12 sắp tới.

2, TIN QUỐC TẾ

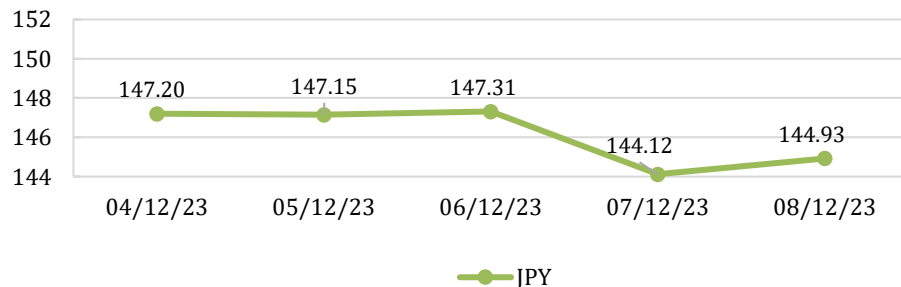
a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 0,72% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 103,27 lên mức 104,01), khi dữ liệu được công bố ngày 08/12 cho thấy tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ trong tháng 11 thấp hơn so với tháng 10 và tốt hơn mức kỳ vọng.
- Tin kinh tế:
 - Trong tháng 11, tổng thâm hụt thương mại của Mỹ là 64,3 tỷ USD; xuất khẩu giảm từ 261,4 tỷ USD xuống 258,8 tỷ USD và nhập khẩu tăng từ 322,5 tỷ USD lên 323 tỷ USD.
 - Trong tuần qua, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ xuống mức 220.000, thấp hơn mức dự báo 222.000.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 1,10% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0881 xuống mức 1,0761), mặc dù dữ liệu PMI chính thức của EU được công bố ngày 05/12 cho thấy hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và kinh tế nói chung của EU trong tháng 11 lần lượt tăng trưởng so với tháng 10 và cao hơn mức kỳ vọng, chủ yếu do đồng USD tăng giá so với các ngoại tệ chính khác.

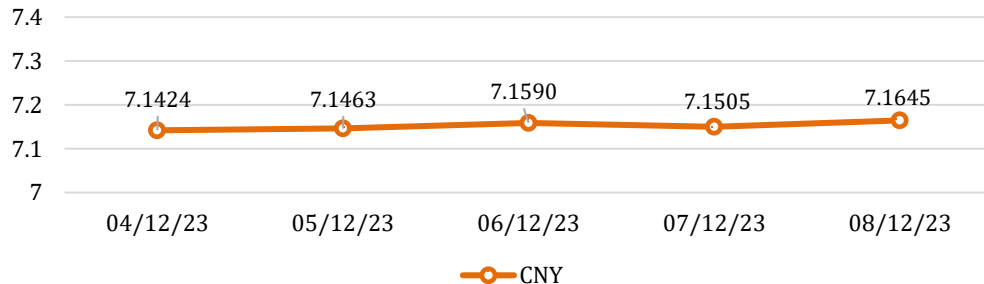
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 1,21% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,2700 xuống mức 1,2546), mặc dù dữ liệu PMI chính thức của Anh được công bố ngày 05/12 lần lượt vượt ngưỡng 50 điểm, thể hiện sự mở rộng về dịch vụ và hoạt động kinh tế nói chung trong tháng 11 so với tháng 10 và cao hơn mức kỳ vọng, chủ yếu do đồng USD tăng giá so với các ngoại tệ chính khác.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY giảm 1,28% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 146,81 xuống mức 144,93), mặc dù dữ liệu PMI chính thức của Nhật Bản được công bố ngày 05/12 cho thấy hoạt động dịch vụ của Nhật Bản trong tháng 11 thấp hơn so với tháng 10 và không đạt được mức kỳ vọng.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tăng 0,36% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 7,1386 lên mức 7,1645), mặc dù dữ liệu PMI chính thức của Trung Quốc được công bố ngày 05/12 cho thấy hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và kinh tế nói chung của Trung Quốc trong tháng 11 lần lượt tăng trưởng so với tháng 10 và cao hơn mức kỳ vọng, chủ yếu do đồng USD tăng giá so với các ngoại tệ chính khác.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (11/12/2023 – 15/12/2023): Tâm điểm là cuộc họp chính sách tiền tệ của các NHTW lớn

- **12/12/2023:** Mỹ công bố CPI tháng 11.
- **13/12/2023:**
 - FED họp chính sách tiền tệ
 - Anh công bố GDP tháng 10.
- **14/12/2023:**
 - ECB, BOE họp chính sách tiền tệ.
 - Mỹ công bố doanh số bán lẻ lõi tháng 11.
- **15/12/2023:**
 - Nhật Bản công bố PMI dịch vụ sơ bộ tháng 12.
 - EU công bố PMI sản xuất, dịch vụ, tổng hợp sơ bộ tháng 12.
 - Anh công bố PMI dịch vụ, tổng hợp sơ bộ tháng 12.
 - Mỹ công bố PMI sản xuất, dịch vụ, tổng hợp sơ bộ tháng 12.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)			Chênh lệch
		04/12 - 08/12/2023	27/11 - 01/12/2023	
OMO reverse repo (1)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Đến hạn Tín phiếu (3)		15.000	58.200	-43.200
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		15.000	58.200	

Diễn biến thị trường:

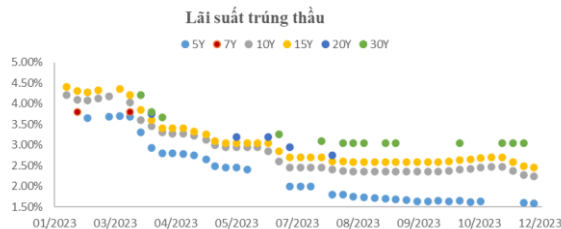
- Trong tuần 04/12 - 08/12/2023, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH tiếp tục giao dịch ở mức thấp khi thanh khoản VND trong hệ thống vẫn duy trì dư thừa. Theo đó, trung bình lãi suất các kỳ hạn ON - 1W giao dịch quanh mức 0,2 - 0,3%/năm . Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M - 3M giao dịch quanh mức 1,0 - 3,2%/năm.
- Lô tín phiếu cũ đã đáo hạn hết vào ngày 06/12/2023, đưa lượng lưu hành trên thị trường về mức 0.
- Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH sẽ duy trì giao dịch ở mức thấp.

3 | Thị trường trái phiếu

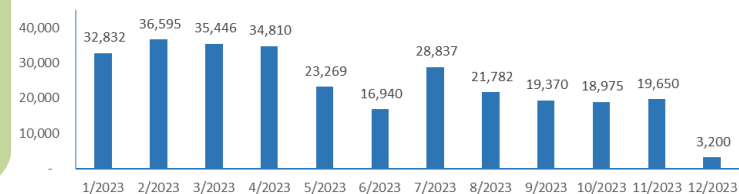
Thị trường sơ cấp



Tuần qua, KBNN phát hành thành công 3.200 tỷ VND trong số 5.000 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5-10-15-30 năm. Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm giảm 2-3 bps, trong khi kỳ hạn 30 năm không trúng thầu.

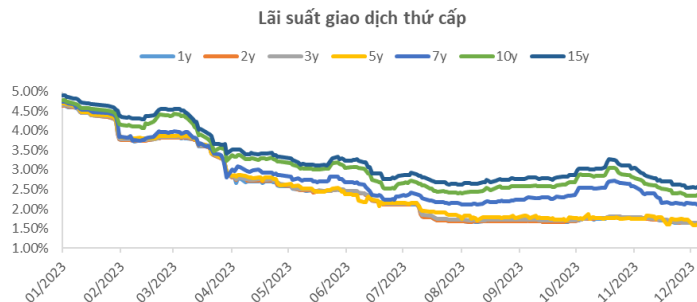
Tỷ đồng

Khối lượng phát hành



Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch trầm lắng. Lực cung và lực cầu cân bằng đối với hầu hết các kỳ hạn khiến mặt bằng lợi suất giao dịch không có biến động đáng kể, riêng lợi suất tham chiếu kỳ hạn 5 năm giảm 13 bps.



Dự báo:

Tuần tới – từ 11/12/2023, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-8bps.
 1-3 năm: 1,50 – 1,60%/năm; 5 năm: 1,55 – 1,70%/năm;
 7 năm: 2,10 – 2,20%/năm; 10 năm: 2,30 – 2,40%/năm;
 15 năm: 2,50 – 2,60%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Hai mặt hàng Cà phê tuần qua đều giảm lần lượt 3,91% với Arabica và 0,08% với Robusta trong tuần vừa qua. Dữ liệu tồn kho hồi phục sau tuần giảm sâu, cùng với triển vọng tích cực về nguồn cung Cà phê vụ mới tại Brazil là hai trong số những nguyên nhân quan trọng khiến giá quay đầu.

+ Tồn kho Arabica đạt chuẩn trên Sở ICE-US trong tuần qua đã tăng 10.633 bao loại 60kg, đưa tổng số Cà phê đã chứng nhận lên mức 234.699 bao, tạm thoát khỏi mức thấp nhất trong hơn 24 năm.

+ Tổ chức Cà phê thế giới (ICO) dự báo cán cân cung - cầu Cà phê niên vụ 2023/24 sẽ thặng dư khoảng 1 triệu bao, thay vì mức thâm hụt gần 5 triệu bao như trong niên vụ vừa qua. Sản lượng gia tăng tại Brazil và một số quốc gia sản xuất lớn khác là nguyên nhân cho dự kiến thặng dư hiện tại. Trong tháng 11, quốc gia này đã xuất đi 234.706 tấn cà phê, cao hơn 8% so với cùng kỳ năm 2022.

Nông sản	Mã	01/12/2023	08/12/2023	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCE24	2528	2526	-0,08%
Cà phê Arabica	KCEH24	184,35	177,15	-3,91%
Ngô	ZCEH24	484,75	485,50	+0,15%
Đậu tương	ZSEF24	1325,00	1304,00	-1,58%
Lúa mì	ZWAH24	602,75	631,75	+4,81%
Bông	CTEH24	79,42	81,44	+2,54%
Đường	SBEH24	25,09	23,36	-6,90%

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Đậu tương đã ghi nhận tuần thứ 5 liên tiếp giảm giá, với 4 trên 5 phiên suy yếu. Mặc dù sản lượng Đậu tương niên vụ 23/24 của Brazil được dự báo thấp hơn, nhưng xuất khẩu đã tăng thêm 2 triệu tấn do việc bán hàng được đẩy mạnh trong những tháng qua. Đây là nguyên chính khiến giá Đậu tương chịu áp lực sau khi báo cáo được công bố.

+ Giá Ngô tiếp tục đi ngang trong tuần vừa rồi và đóng cửa gần như không thay đổi so với mức tham chiếu. Dù vậy, việc nhu cầu với Ngô Mỹ vẫn ở mức cao đã giúp giá kết tuần trong sắc xanh. Cụ thể, theo báo cáo Export Sales, Mỹ đã bán được 1,29 triệu tấn Ngô trong tuần 24 - 30/11, đánh dấu chuỗi 5 tuần liên tiếp doanh số bán hàng đạt trên mức 1 triệu tấn.

+ Trong khi đó, Lúa mì ghi nhận tuần hồi phục thứ 3 liên tiếp. Nhập khẩu từ Trung Quốc bất ngờ tăng mạnh là động lực chính thúc đẩy giá phá vỡ mốc hỗ trợ tâm lý 640. Theo số liệu trong báo cáo Daily Export Sales, Trung Quốc đã liên tục mua 4 đơn hàng Lúa mì niên vụ 2023/24 của Mỹ với tổng khối lượng lên tới 1,12 triệu tấn chỉ trong tuần vừa rồi. Đây là mức bán hàng tuần cao nhất của Mỹ sang quốc gia Châu Á này trong nhiều năm trở lại đây. Tuy nhiên, áp lực bán chốt lời của thị trường đã khiến giá đảo chiều suy yếu trong phiên cuối tuần.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Giá Đường (No.11) giảm 6,90% trong tuần, đây cũng là tuần giảm thứ 5 liên tiếp. Giá Dầu thô yếu đi, kết hợp cùng sự thay đổi trong chính sách sản xuất đường tại Ấn Độ đã tạo áp lực kìm nén giá.

+ Giá Bông (No.2) tăng 2,54% nhờ dữ liệu xuất khẩu Bông Mỹ tăng trở lại. Trong báo cáo xuất khẩu tuần kết thúc ngày 30/11, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho biết, quốc gia này đã xuất đi 139.200 kiện Bông, tăng lần lượt 57% và 50% so với tuần trước và mức trung bình 4 tuần. Tuy nhiên, doanh số bán hàng ở mức 116.400 kiện bông, giảm mạnh 47% so với tuần trước và thấp hơn 63% so với trung bình 4 tuần gần đây có thể là điều cần xem xét thêm.

Kim loại và Năng lượng	Mã	01/12/2023	08/12/2023	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEH24	3,9315	3,8305	-2,57%
Đồng LME	CAD	8610,5	8448,5	-1,88%
Nhôm LME	AHD	2209,0	2134,0	-3,40%
Quặng sắt SGX	FEFF24	131,16	135,52	+3,32%
Dầu thô WTI	CLEF24	74,07	71,23	-3,83%
Dầu thô Brent	QOG24	78,88	75,84	-3,85%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Giá Đồng COMEX giảm 2,57% về 3,83 USD/pound, chấm dứt chuỗi tăng ba tuần liên tiếp. Sau đợt tăng giá chủ yếu được hỗ trợ bởi rủi ro nguồn cung, giá Đồng quay đầu giảm khi rủi ro này dần được xoa dịu và tín hiệu tiêu cực từ nền kinh tế Trung Quốc.

+ Ở chiều ngược lại, giá Quặng sắt tăng 3,32% lên 135,52 USD/tấn. Giá Quặng sắt đang phục hồi trở lại khi các nhà chức trách tại Trung Quốc không còn tăng cường giám sát trên thị trường nhằm hạn chế đà tăng giá.

+ Bên cạnh đó, giá Quặng sắt được hỗ trợ bởi tiêu thụ tích cực tại Trung Quốc. Theo dữ liệu hải quan, Trung Quốc đã nhập khẩu 102,74 triệu tấn quặng sắt trong tháng 11, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 3,94% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Giá Dầu WTI giảm 3,83% xuống 71,23 USD/thùng. Dầu Brent xuống 75,84 USD/thùng sau khi giảm 3,85%. Dầu thô đã ghi nhận tuần giảm giá thứ bảy liên tiếp, chuỗi giảm theo tuần dài nhất kể từ tháng 10/2018. Bức tranh nhu cầu suy yếu tại các nước tiêu thụ lớn, trong khi nguồn cung vẫn đảm bảo, đã gây áp lực lên giá Dầu.

+ Hoạt động thương mại của Trung Quốc, nước nhập khẩu Dầu lớn nhất thế giới, đã suy yếu trở lại trong tháng 11. Trong đó, nhập khẩu Dầu của Trung Quốc tháng 11 giảm 13,3% so với tháng trước và giảm 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt khoảng 10,33 triệu thùng/ngày, đánh dấu tốc độ giảm theo năm lớn nhất kể từ tháng 4 do tồn kho cao, các chỉ số kinh tế yếu và đơn đặt hàng chậm lại từ các nhà máy lọc Dầu độc lập.

+ Lần đầu tiên sau 7 tháng, Tập đoàn Dầu khí nhà nước Saudi Aramco của Saudi Arabia đã giảm giá bán chính thức (OSP) cho chuyển hàng Arab Light sang châu Á vào tháng 1 thêm 50 cent/thùng so với tháng 12, xuống còn 3,50 USD/thùng so với báo giá của Oman/Dubai. Điều này phản ánh về sức cầu suy giảm tương đối so với nguồn cung tại khu vực châu Á, càng làm gia tăng áp lực lên giá Dầu trong tuần qua.

+ Trong khi đó, tại Mỹ, sản lượng duy trì ở mức cao bù đắp cho lo ngại cắt giảm sản lượng tự nguyện của nhóm Tổ chức các nước xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+). Ngoài ra, dữ liệu từ Cơ quan Quản lý Thông tin năng lượng Mỹ (EIA) cho biết mặc dù tồn kho Dầu thương mại của nước này giảm 4,6 triệu thùng trong tuần kết thúc ngày 1/12, nhưng tồn kho xăng tăng mạnh 5,4 triệu thùng, và tồn kho nhiên liệu chung cất tăng 1,27 triệu thùng.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*